|  |
| --- |
| TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** **TỈNH BẾN TRE** |
| **TCVN ISO 9001:2015** |
| QUY TRÌNH  |
| ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM CHI PHÍ CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN |
|  |
|  | **MÃ HIỆU** | : | **QT.NV.05** |  |
|  | **LẦN BAN HÀNH** | : | **01** |  |
|  | **NGÀY BAN HÀNH** | : | **15/6/2021**  |  |
|  |
|  | **SOẠN THẢO** | **SOÁT XÉT** | **PHÊ DUYỆT** |
| Họ và tên | Huỳnh Quế Thanh | Nguyễn Hoài Phong | Nguyễn Văn nghiệp |
| Chữ ký |  |  |  |
| Chức vụ | Chuyên viên | Trưởng phòng**Phòng nghiệp vụ và tổ chức thi hành án** | Cục trưởng |

**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung** | **Trang / Phần liên quan việc sửa đổi** | **Mô tả nội dung sửa đổi** | **Lần sửa đổi** | **Ngày sửa đổi** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. **MỤC ĐÍCH**

Quy định thống nhất trách nhiệm, thời gian thực hiện, trình tự, cách thức miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự.

1. **PHẠM VI**

Quy trình áp dụng đối với: Cục trưởng, Phó cục trưởng được phân công phụ trách, Chấp hành viên, Kế toán, văn thư, đương sự trong vụ việc thi hành án; các phòng, ban có liên quan gồm: Phòng Nghiệp vụ & Tổ chức thi hành án; Văn phòng Cục Thi hành án dân sự; Bộ phận 1 cửa.

1. **TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

- Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

1. **ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT**

THADS: Thi hành án dân sự

1. **NỘI DUNG QUY TRÌNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **5.1** | **Cơ sở pháp lý** |
|  | - Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự. |
| **5.2** | **Thành phần hồ sơ**  | **Bản chính** | **Bản sao** |
|  | 1. Đơn đề nghị miễn hoặc giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự**;** Giấy ủy quyền (nếu có) | *x* |  |
| 2. Tài liệu có liên quan chứng minh điều kiện miễn phí chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự: Thuộc diện gia đình chính sách, có công với cách mạng. Đương sự là gia đình chính sách, có công với cách mạng phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp để chứng minh. | *x* |  |
|  | 3. Tài liệu có liên quan chứng minh điều kiện giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự bao gồm 1 trong những điều kiện sau:- Có thu nhập không đảm bảo mức sinh hoạt tối thiểu để sinh sống bình thường hoặc bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn.Việc xác định mức sinh hoạt tối thiểu của người phải thi hành án và người mà người đó có nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng được căn cứ vào chuẩn hộ nghèo của từng địa phương nơi người đó cư trú, nếu địa phương chưa có quy định thì theo chuẩn hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo từng giai đoạn cụ thể.Mức tiền tối thiểu để lại cho hoạt động sản xuất kinh doanh do Chấp hành viên ấn định căn cứ vào tính chất ngành, nghề kinh doanh; quy mô kinh doanh của người phải thi hành án và mức ấn định này có thể được điều chỉnh.- Thuộc diện neo đơn, tàn tật, ốm đau kéo dài. Đương sự có khó khăn về kinh tế, thuộc điện neo đơn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, sinh sống hoặc xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi người đó nhận thu nhập. Đương sự bị tàn tật, ốm đau kéo dài phải có tóm tắt hồ sơ bệnh án được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp huyện trở lên xác nhận | *x* |  |
| **5.3** | **Số lượng hồ sơ** |
|  | 01 bộ |
| **5.4** | **Thời gian xử lý** |
|  | 05 ngày làm việc |
| **5.5** | **Nơi tiếp nhận và trả kết quả** |
|  | Bộ phận 1 cửa  |
| **5.6** | **Lệ phí** |
|  | Không |
| **5.7** | **Quy trình xử lý công việc** |
| **QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG VIỆC** |
| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | **Biểu mẫu/Kết quả** |
| **B1** | Nộp đơn đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS và tài liệu chứng minh đủ điều kiện miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS | Đương sự/ Người được ủy quyền | Giờ hành chính | Đơn đề nghịBM.NV.05.01 |
| **B2** | Tiếp nhận hồ sơ và phiếu nhận đơn, hẹn ngày trả kết quả | Bộ phận một cửa | Giờ hành chính | Phiếu nhận đơnBM.NV.05.02 |
| **B3** | Chuyển hồ sơ cho Thủ trưởng/Lãnh đạo đơn vị phụ trách | Bộ phận một cửa | ½ ngày |  |
| **B4** | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Cục | ½ ngày |  |
| **B5** | Thẩm định hồ sơ:- Trường hợp đơn, tài liệu chưa đầy đủ thì hướng dẫn người yêu cầu bổ sung theo quy định- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo. | Chấp hành viên | 01 ngày | Công văn phúc đáp  |
| **B6** | Chuẩn bị hồ sơ báo cáo Lãnh đạo phòng trình Lãnh đạo Cục về việc đương sự đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS | Chấp hành viên | ½ ngày |  |
| **B7** | Duyệt hồ sơ đề nghị | Lãnh đạo Cục | ½ ngày |  |
| **B8** | Ban hành Quyết định miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS | Thủ trưởng cơ quan THADS | 01 ngày | Quyết định miễn, giảm chi phíBM.NV.05.03 |
| **B9** | Trả kết quả | Bộ phận một cửa | 01 ngày | Quyết định miễn, giảm chi phíBM.NV.05.03 |

**6. BIỂU MẪU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Mã hiệu*** | ***Tên Biểu mẫu*** |
|  | BM.NV.05.01 | Đơn đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS |
|  | BM.NV.05.02 | Phiếu nhận đơn |
|  | BM.NV.05.03 | Quyết định miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS  |

**7. HỒ SƠ CẦN LƯU**

|  |  |
| --- | --- |
| ***TT*** | ***Hồ sơ lưu*** |
|  | Đơn đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS, Giấy ủy quyền (nếu có) |
|  | Các tài liệu chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS |
|  | Văn bản thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS |
|  | Quyết định miễn, giảm chi phí cưỡng chế THADS |